

Bản án số: 07/2020/HNST

Ngày: 20/02/2020

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Ngọc Diễm

2. Ông Trần Thanh Vũ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Thuý - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên
tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phần - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu
Thành - Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 688/2019/TLST-
HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng P, sinh năm 1993 (Có mặt).

HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: Anh Đặng Trí T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

HKTT: ấp D, xã E, huyện N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2019, bản tự khai, những lời khai tiếp theo
cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng P trình bày:

Chị P và anh T kết hôn với nhau vào năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng
ký kết hôn và được UBND xã E, huyện N, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn
vào năm 2018. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có hạnh phúc thời gian đầu. Từ
tháng 7/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không quan tâm
chăm lo vợ con, bỏ nhà đi thuê nhà trọ sống. Từ tháng 7/2018, chị P về nhà cha mẹ
ruột ở huyện C sinh sống đến nay. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay.
Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị
P được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có một con chung tên Đặng Lê Hồng C, sinh ngày 15/01/2019
hiện đang sống với chị P. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi con chung và
không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Trí T được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để dự phiên hòa giải cũng như để dự phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án không lấy lời khai được đối với anh T và lập biên bản ghi nhận về việc không tiến hành hòa giải được đối với anh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có quan điểm:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh T. Sau ly hôn, chị P được quyền nuôi con chung là Đặng Lê Hồng C, sinh ngày 15/01/2019. Ghi nhận việc chị P không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đặng Trí T được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T kết hôn với nhau vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã E, huyện N, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo như chị P trình bày, quá trình chung sống vợ chồng chị P anh T sống hạnh phúc thời gian đầu. Từ tháng 7 năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị P trình bày do anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, bỏ ra ngoài thuê nhà sống riêng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Biên bản làm việc xác minh ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện N tại địa phương nơi chị P, anh T sinh sống đã xác nhận vợ chồng chị P anh T đã có xảy ra mâu thuẫn từ khoảng đầu năm 2018, thường cự cãi nhau, chị P đã về nhà mẹ ruột chị P tại xã B, huyện C sinh sống đến nay. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đã thật sự mâu thuẫn

trầm trọng, đời sống chung của chị P và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp Điều 56 Luật HNGĐ.

Về con chung: Có một con chung tên Đặng Lê Hồng C, sinh ngày 15/01/2019 hiện đang sống với chị P. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu C là con gái, hiện còn nhỏ, đang được chị P nuôi dưỡng. Cháu C cần được sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu C cần để cho chị P được nuôi con chung là phù hợp. Ghi nhận việc chị P không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên vì quyền và lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 147, 227, 232, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng P đối với anh Đặng Trí T.

Chị Lê Thị Hồng P được ly hôn với anh Đặng Trí T.

Ghi nhận việc chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng.

2. Về con chung: Sau ly hôn, chị P được nuôi con chung tên Đặng Lê Hồng C, sinh ngày 15/01/2019. Ghi nhận việc chị P không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên vì quyền và lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí:

Án phí HNST: Chị P phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng). Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị P đã nộp theo biên lai thu số 0007210 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N tỉnh Bến Tre. Chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Chị P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Quới Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đỗ Thị Phượng

